

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thoại T**, sinh năm 1977. Cư trú: đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: đường H, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu A**, sinh năm 1977. Cư trú: đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thoại T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thu A tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 26/5/2004. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân bình thường nhưng đến năm 2012 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi xúc phạm

nhau, bà A hay ghen tuông mù quáng nên vợ chồng thường xung đột trước mặt các con gây ảnh hưởng tâm lý các cháu, tình trạng này kéo dài nhiều năm không khắc phục được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông cũng không còn tình cảm với bà A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 17/11/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 17/7/2007; hiện đang sống với bà A. Ly hôn, ông đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung theo nguyện vọng của các cháu và cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Ông và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông xác định không có.

Trong quá trình xét xử bị đơn bà Nguyễn Thị Thu A trình bày: Bà xác nhận việc đăng ký kết hôn như lời trình bày của ông T là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì ông T có những biểu hiện ngoại tình, sau đó vợ chồng đã giải quyết được mâu thuẫn. Tuy nhiên đến năm 2017 bà lại thấy chồng có những biểu hiện bất thường như thường xuyên đi làm qua đêm không về, bà gọi điện thoại thì tắt máy, sau một thời gian thì ông T nói không còn tình cảm với bà, muốn ly hôn và dọn ra khỏi nhà để sống riêng từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không quan tâm lẫn nhau, cũng không tìm cách hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Hiện bà không còn tình cảm với ông T nữa nhưng bà không đồng ý ly hôn vì bà theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng cho tới khi thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho ông T được ly hôn với bà A vì mục đích hôn nhân không đạt; giao hai con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông T cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng/con cho tới khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu A vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Thoại T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà A hiện cư trú tại Phường A, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà A là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, ông T xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn, bà A trình bày không còn tình cảm với chồng nhưng không đồng ý ly hôn vì bà theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn. Thực tế qua xác minh chính quyền địa phương và hàng xóm thì ông T và bà A hiện đã sống ly thân. Như vậy, với thực trạng hôn nhân như trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, có tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[4]. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận bà A trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 17/11/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 17/7/2007; ông T đóng góp nuôi con với bà A số tiền là 1.500.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung thành niên. Xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung ông T, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết và cả hai xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thoại T ly hôn bà Nguyễn Thị Thu A.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung tên Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 17/11/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 17/7/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

2.2 Ông T đóng góp nuôi hai con với bà A số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/con, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 6/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0016477 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; ông T còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND P. A, TP. B, tỉnh LD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND P. 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 15 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế
2. Ông Hoàng Xuân Ty

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 450/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thoại T và bà Nguyễn Thị Thu A.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Ty: Thực trạng hôn nhân giữa ông T và bà A thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà A là có cơ sở.

Ý kiến hội thẩm Huế: Thông nhất ý kiến của hội thẩm Ty, ngoài ra bổ sung thêm ý kiến giao hai con chung tên Nguyễn Quốc Tr, sinh ngày 17/11/2003 và Nguyễn Ngọc Hoàng O, sinh ngày 17/7/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Cả hai thỏa thuận ông T đóng góp nuôi hai con với bà A số tiền là 1.500.000 đồng/tháng/con thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 6/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp nên chấp nhận.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thông nhất ý kiến của hai Hội thẩm.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0016477 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; ông T còn phải nộp 300.000 đồng.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2020. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc